

Số: 132/KHGD-THTV

Thọ Vinh, ngày 30 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2023 - 2024

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

*Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;
Quyết định số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;

Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học;

Công văn số 2384/ BGDĐT ngày 01/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh;

Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH về thực hiện KHGD lớp 5 đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018; Công văn số 1612/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 06/9/2021 về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018;

Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình GDPT 2018; Công văn số 660/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 18/4/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học;

Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021;

Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020-2021;

Công văn số 909/BGDĐT- GDTH ngày 08/3/2023 về việc Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học; Công văn số 638/SGDĐT-GDTH ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học; Kế hoạch 137/PGDĐT về việc triển khai tổ chức hoạt động giáo dục STEM cấp Tiểu học từ năm học 2022 – 2023;

Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 Ban hành Quy định Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Công văn số 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 1290/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 26/7/2021 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học (Kèm theo các Phụ lục quy định tại Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học); Công văn số 269/PGDĐT ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Phòng GDĐT Kim Động về việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học từ năm học 2021-2022; Công văn số 264 /PGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Kim Động về việc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường từ năm học 2023-2024;

Công văn số số 318/PGD&ĐT-TH ngày 18/8/2023 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Căn cứ vào kết quả đạt được năm học 2022-2023 và tình hình thực tế của nhà trường, địa phương.

Trường Tiểu học Thọ Vinh xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

1.1. Thuận lợi

Thọ Vinh là một xã nằm ở phía Tây huyện Kim Động, tiếp giáp với huyện Khoái Châu, cách trung tâm huyện 10 km, xã có 5 thôn với 2260 hộ dân và 7595 nhân khẩu. Diện tích tự nhiên 150,7 ha trong đó chủ yếu là diện tích đất trồng cây nông nghiệp. Với truyền thống yêu nước, cần cù lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước, trong mọi thời kỳ nhân dân xã Thọ Vinh luôn đoàn kết một lòng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị - kinh tế. Đảng bộ, chính quyền xã nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh cấp huyện. Tình hình chính trị địa phương ổn định, kinh tế phát triển và tăng trưởng một cách bền vững, đời sống văn hóa của người dân ngày càng nâng cao. Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Là xã có truyền thống hiếu học, học sinh được kế thừa và phát huy truyền thống của gia đình, dòng họ. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, Chính quyền, ban ngành đoàn thể tại địa phương và nhất là sự quan tâm, hỗ trợ nhiệt tình của Ban đại diện CMHS trường, lớp.

Cha mẹ học sinh nhận thức tốt về công tác giáo dục, luôn quan tâm tới chất lượng học tập và rèn luyện của học sinh. Đa số phụ huynh có nhận thức đúng về công tác đổi mới mục tiêu giáo dục, tin tưởng và hỗ trợ tốt các hoạt động giáo dục, tạo mọi điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh nhằm xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I nên cơ sở vật chất khá khang trang, hiện đại với đủ phòng học và phòng chức năng. Trường nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể LĐTT và TTLĐXS. Chi bộ nhà trường nhiều năm hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường luôn đoàn kết, nhất trí, nhiệt tình tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm cao. Trong giảng dạy luôn đổi mới phương pháp, tự học tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu đổi mới.

1.2. Khó khăn

Trình độ dân trí không đồng đều, đa số phụ huynh học sinh làm nông nghiệp hoặc buôn bán kinh doanh nhỏ; một bộ phận cả bố và mẹ học sinh đi làm ăn xa, chưa quan tâm nhiều đến giáo dục, đặc biệt đến chương trình GDPT 2018, còn coi việc dạy học là của nhà trường nên ảnh hưởng đến việc giáo dục học sinh và sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường.

Với thực tiễn địa phương, đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục.

Đề thực hiện thành công chương trình giáo dục phổ thông 2018, đòi hỏi tính chủ động, khả năng sáng tạo của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong chuyên môn.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023– 2024

- Xây dựng nhà trường trở thành trường có chất lượng cao của huyện Kim Động.
- Tạo dựng một môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường: Đoàn kết, tự tin, đổi mới vì mục tiêu giáo dục.

Cụ thể:

- Thực hiện chương trình giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS.
- Tổ chức thực hiện dạy học 8 buổi/ngày đối với học sinh trong toàn trường.
- Sử dụng các hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học theo chủ đề, dạy học tích hợp: nội môn, liên môn, xuyên môn, đa môn... Đối với tình huống xấu nhất do dịch bệnh sẽ tổ chức cho học sinh học trực tuyến.
- Tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.
- Tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, tăng cường, mở rộng theo hướng phân hóa.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

*** Điểm mạnh**

- Học sinh trong nhà trường tập trung ở 5 thôn trong xã. Các em chăm ngoan, hiếu học; các năm học đều có học sinh đạt giải trong các cuộc thi và giao lưu các cấp như: Giao lưu Trạng nhí Tiếng Anh lớp 2 và 4, sân chơi Toán học Vioedu, sân chơi IOE.

- Số học sinh trong trường là 528 em phân chia vào 16 lớp. Tỷ lệ học sinh/lớp: 33. Sĩ số tương đối đảm bảo theo quy định Điều lệ trường Tiểu học.

*** Điểm yếu**

- Học sinh trong trường còn 04 HS thuộc hộ nghèo và 06 HS hộ cận nghèo của xã, có em còn mồ côi cha, mẹ phải ở với ông bà già yếu. Trường có 05 học sinh khuyết tật, trong đó có 02 học sinh khuyết tật về trí tuệ như em: Nguyễn Ngọc Diệp 1C, Vương Toàn Nam 1A.

- Còn một số em do cha mẹ đi làm ăn xa ở nhà với ông bà, chưa được quan tâm đến việc học hành nên chất lượng còn chưa đồng đều.

- Một số học sinh nhận thức chưa tốt dẫn đến tỉ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học Năm học 2022 – 2023 còn 02 học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học: Nguyễn Ngọc Diệp, Vương Toàn Nam (HS khuyết tật hòa nhập, đều thuộc khối 1).

*** Số lớp, số học sinh:**

Khối	Số lớp	Tổng số HS	Nữ	Tỉ lệ HS/lớp	HS học 7-8 tuổi/ngày	HS lưu ban năm học trước	HS nghèo, cận nghèo	Học sinh KTHN
1	3	100	55	33,3	100	2		4
2	3	98	52	32,7	98	0		1
3	3	112	47	37	112	0		0
4	4	120	61	30,3	120	0		0
5	3	98	47	32,7	98	0		0
Tổng	16	528	262	33,1	528	2		5

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

* Điểm mạnh

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm hầu hết đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Tập thể đoàn kết, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, tự học, tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng sư phạm, đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục.

- GV dạy giỏi cấp trường năm học 2022-2023: 12/20 đạt 60%; cấp huyện: 2/20 đạt 10%. Tỉ lệ giáo viên/ lớp: 1,25.

- Phân chia đều theo các độ tuổi như sau:

+ Dưới 30 tuổi: 02 đồng chí : Giang, Nga

+ Từ 30 đến 40 tuổi: 07 đ/c (SN 1983-1993): Hợp, Đào Thanh, Ng Thúy, Nhung, Hưng, Hà, Vũ Thúy,.

+ Từ 41 đến 50 tuổi: 10 đ/c (SN 1973-1982): Doan, Hiền, Anh, Trương Hoa, Hiếu, Vũ Thanh, Hiệu, Nguyệt, Huyền, Ninh.

+ Từ 51 đến 60 tuổi: 04 đ/c (SN 1967-1972): Hồng, Tuân, Lan, Vũ Hoa.

*** Điểm yếu:**

- Trường còn thiếu 3 giáo viên mới đảm bảo tỉ lệ 1,5 giáo viên/ lớp để dạy học hai buổi trên ngày, trường thiếu loại hình giáo viên dạy GDTC (Thể dục); Tin học và Công nghệ (cử giáo viên bồi dưỡng trong dịp hè giảng dạy).

- Còn 01 giáo viên trình độ cao đẳng chưa đáp ứng chuẩn theo Luật giáo dục 2019 do sức khỏe yếu nên chưa đi học nâng chuẩn.

- Giáo viên trẻ, kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều. Việc đổi mới phương pháp dạy học ở một số giáo viên trẻ hiệu quả còn chưa cao, chất lượng một số lớp chưa đồng đều. Một số giáo viên là người địa phương khác nên công tác chủ nhiệm lớp gặp khó khăn.

- Tính chủ động, khả năng sáng tạo của giáo viên còn hạn chế. Một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đổi mới giảng dạy, giáo dục học sinh, còn có tâm lý ngại đổi mới.

- Một vài giáo viên, nhân viên trình độ CNTT còn hạn chế. Việc tự học, tự bồi dưỡng đạt hiệu quả chưa cao. Cập nhật thông tin, tri thức trên các phương tiện truyền thông còn chưa tốt, đặc biệt là tìm kiếm trên mạng internet.

*** Cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

CBGVNV	Tổng số	Nữ	Biên chế	Hợp đồng	Đảng viên	Trình độ			
						ThS	ĐH	CĐ	TC
Tổng số CB, GV, NV	23	21	23	0	16	1	20	1	1
BGH	2	2	2	0	2	1	1	0	0
GV VH	16	15	16	0	12	0	16	0	0
GVMT	2	1	2	0	1	0	1	1	0
GVÂN	1	1	1	0	0	0	1	0	0
GVTA	1	1	1	0	0	0	1	0	0
GV TD	0	0	0	0	0	0	0	0	0
GV Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TV-TB	1	1	1	0	1	0	0	0	1

*** Phân công công việc năm học 2023 -2024:**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Công việc được giao	SSHS	Nữ
1	Vũ Thị Quỳnh Hoa	1972	Thạc sỹ	HT, phụ trách chung các HĐ trong trường. Dạy cho TT2+3 và SHDC		
2	Tào Thị Hồng	1967	Đại học	PHT, phụ trách CM, lao động, giám sát. Dạy tiết Đọc TV lớp 1+SHDC.		
3	Đào Thị Thanh	1988	ĐH	- Chủ nhiệm lớp 1A	33	18
4	Trần Thị Doan	1975	ĐH	- Chủ nhiệm lớp 1BTT tổ 1	33	20
5	Trần Thị Hợp	1986	ĐH	- Chủ nhiệm lớp 1C - TP tổ 1	34	17
6	Nguyễn Thị Hải Ninh	1982	ĐH	- CN lớp 2A	32	16
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1971	ĐH	- CN lớp 2B-TT tổ 2+3	33	18
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	1977	ĐH	- CN lớp 2C	33	18
9	Vương Tuyết Nhung	1990	ĐH	- CN lớp 3A	37	14
10	Nguyễn Thị Anh	1979	ĐH	- CN lớp 3B -TP 2+3-Thanh tra	38	17
11	Lê Thị Trà Giang	1997	ĐH	- CN lớp 3C	37	16
12	Trương Thị Hoa	1978	ĐH	- CN lớp 4A – TP 4+5	31	16
13	Hoàng Hải Hưng	1986	ĐH	- CN lớp 4B – BT Đoàn	30	15
14	Nguyễn Phương Thúy	1988	ĐH	- CN lớp 4C	30	16
15	Đinh Thu Nga	1998	ĐH	- CN lớp 4D	29	14
16	Vũ Thị Thanh	1977	ĐH	- CN lớp 5A – TT 4+5	32	16
17	Lê Thị Hiếu	1978	ĐH	- CN lớp 5B - CTCĐ	33	17
18	Nguyễn Văn Tuấn	1970	ĐH	- CN lớp 5C – CNTT	33	14

19	Trần Thị Minh Nguyệt	1980	ĐHÂN	- Dạy AN 01 tiết/tuần/lớp. Đạo đức lớp 4; Dạy đội văn nghệ, Tư vấn TLHĐ		
20	Nguyễn Văn Hiệu	1977	CĐMT	- Dạy MT 01 tiết/tuần/lớp 1,2,5. Đọc TV lớp 2,4,5; phụ trách phòng bộ môn		
21	Trần T Thu Huyền	1982	ĐH MT	Dạy Mĩ thuật khối 3,4; Tin học khối 3; Dạy Đạo đức lớp 1,5; Tổng phụ trách.		
22	Lê Thị Hà	1989	ĐHTA	- Dạy 4 tiết/tuần/lớp 3,4. BDHS năng khiếu TA		
23	Vũ Thị Thúy	1987	TC	- TV-TB, VT; quản lý phần mềm KĐCLGD.		

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

* Điểm mạnh

- Trường đã có đủ phòng học đảm bảo 1 lớp/ 1phòng để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày.
- 100% các phòng học, phòng bộ môn có đủ bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng chống lóa, máy chiếu, tủ, trang trí đúng quy định.

- Hệ thống điện sáng và quạt mát: Hiện tại các phòng đảm bảo đủ.
- Có đủ nước sạch dùng cho giáo viên và học sinh.
- Thư viện có đủ các loại SGK tài liệu tham khảo cần thiết phục vụ cho công tác giảng dạy.

* Điểm yếu

- Thiết bị máy chiếu và máy tính xuống cấp; thiết bị giáo dục chưa đầy đủ. Chính vì vậy ảnh hưởng ít nhiều đến công tác đổi mới hoạt động dạy và học trong nhà trường.
- Còn thiếu phòng học Âm nhạc.

Cơ sở vật chất	Số lượng	Diện tích (m²)	Ghi chú
Khuôn viên	01	5001,2	9,5 m ² /HS
Khối phòng học	16	720	Kiên cố
Phòng học bộ môn (MT, TA, TH)	03	135	Kiên cố
Khối phòng phục vụ học tập			
- Thư viện	1	90	Kiên cố
- Phòng thiết bị giáo dục	1	36	Kiên cố
- Phòng truyền thống và HĐ Đội	1	18	Kiên cố
Khối phòng hành chính			
- Phòng Hiệu trưởng	1	36	Kiên cố
- Phòng Phó Hiệu trưởng	1	18	Kiên cố
- Văn phòng	1	70	Kiên cố
- Phòng Y tế	1	18	Kiên cố
- Phòng kiểm định	1	18	Kiên cố
- Phòng bảo vệ	1	12	Bán kiên cố
- Nhà vệ sinh dành cho giáo viên	2	18	Đảm bảo
- Nhà vệ sinh dành cho học sinh	2	80	Đảm bảo
- Sân chơi	1	1.600	Đảm bảo
- Sân tập thể dục	1	600	Đảm bảo
- Nhà để xe cho GV	1	50	Đảm bảo
- Nhà để xe cho HS	1	100	Đảm bảo

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

3.1. Định hướng

- Quản trị hoạt động dạy học, giáo dục; thực hiện quyền tự chủ trong thực hiện chương trình giáo dục nhà trường.

- Thực hiện chương trình giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, học sinh. Tổ chức thực hiện dạy học 8 buổi/tuần và tổ chức thực hiện hoạt động trải nghiệm.

- Đảm bảo sự dân chủ trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục.

- Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

3.2. *Bố trí phòng học, phòng học bộ môn và các phòng chức năng*

Đủ theo quy định của trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

3.3. *Định hướng thực hiện chương trình dạy học*

Khối lớp 1;2;3;4: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018;

Khối lớp 5: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

3.4. *Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm*

- Mỗi tuần thực hiện 01 tiết HĐTN (chào cờ) vào sáng thứ hai, và một tiết HĐTN (sinh hoạt cuối tuần) tổng cộng 70 tiết;

- Số tiết còn lại nhà trường tổ chức dạy học trải nghiệm theo chủ đề theo SGK và thời khóa biểu.

3.5. *Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh khối 1,2,3,4*

- Tổ chức dạy học giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong một số môn học và hoạt động giáo dục.

- Hình thức tổ chức dạy học: Dạy học trên lớp, dạy học trải nghiệm.

- Nội dung: Dạy những vấn đề cơ bản về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương.

- Tài liệu dạy học: Sử dụng tài liệu của tỉnh Hưng Yên biên soạn.

II. Mục tiêu giáo dục năm học 2023 - 2024

1. Mục tiêu chung:

- Thực hiện tốt chủ đề năm học 2023-2024 “*Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, hoàn thành tốt các nhiệm vụ, mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng các hoạt động GD-ĐT*”

- Duy trì trường chuẩn Quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

- Thực hiện mục tiêu giáo dục học sinh tiểu học, bảo đảm thời lượng học tập, sinh hoạt tập thể, trải nghiệm thực tế, vui chơi, tham gia hoạt động cộng đồng.

- Thực hiện mục tiêu, yêu cầu của CTGDPT 2018 (đối với lớp 1,2,3,4) và chương trình phổ thông 2006 đối với lớp 5.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, thực hiện thường xuyên và hiệu quả các phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá theo phẩm chất năng lực người học. Triển khai giáo dục STEM.

- Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường Đoàn kết - Trách nhiệm; Trung thực - Sáng tạo; Kỷ luật - Hợp tác - Chia sẻ; Công bằng - Khách quan.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho HS, đáp ứng nhu cầu của gia đình và xã hội trong việc giáo dục, quản lý học sinh. Vận dụng hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực, phương pháp giáo dục kỷ luật tích cực vào dạy học.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực giảng dạy cho giáo viên. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học.

- Xây dựng trường học theo mô hình tiên tiến, trường học hạnh phúc, hiện đại, duy trì hoạt động trường học thân thiện, học sinh tích cực. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu về các hoạt động dạy học

- Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh;

- Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực, phương pháp giáo dục kỷ luật tích cực;

- Đổi mới chương trình giáo dục, công tác kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục;

- Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 1380/SGDDĐT-GDTH ngày 30/7/2020 về việc Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

2.2. Chỉ tiêu phấn đấu Tập thể

- Trường: Tập thể lao động tiên tiến và đạt đơn vị văn hoá
- Tổ lao động xuất sắc: Tổ 4 + 5
- Tổ lao động tiên tiến: Tổ 1, tổ 2+3
- Công đoàn: Vững mạnh xuất sắc.
- Đoàn Đội: Vững mạnh xuất sắc
- Lớp: 100 % tiên tiến và 75% trở lên lớp đạt phong trào vở sạch, chữ đẹp.
- Tham gia các hội thi đạt kết quả cao.

2.3. Chỉ tiêu phấn đấu cá nhân

- CSTĐ cấp cơ sở: 02 đồng chí
- 100% giáo viên đăng ký dự thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường.
- 100% giáo viên đăng ký dự thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện, cấp tỉnh đều đạt.
- Sáng kiến được xếp loại cấp huyện : Từ 5-7 đồng chí

2.4. Chỉ tiêu về xếp loại chất lượng giáo dục

2.4.1. Sĩ số: Duy trì sĩ số 100%, không có học sinh bỏ học.

2.4.2. Môn học và Hoạt động giáo dục: Đánh giá kết quả học tập cuối năm:

- 99,4% học sinh được đánh giá Hoàn thành trở lên về các môn học và hoạt động giáo dục (trong đó có trên 70% học sinh xếp loại Hoàn thành tốt về môn học và HĐGD).

- 100% học sinh được đánh giá xếp loại Đạt trở lên về năng lực và phẩm chất (trong đó trên 70% học sinh xếp loại Tốt về các năng lực và phẩm chất).

- Kết quả KTĐK của các môn học có trên: 70% đạt điểm 7-10.

- Học sinh được khen thưởng: Từ 65% trở lên.

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 99,4%. Học sinh HTCTTH: 100%

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Xếp loại mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực.

2.1.1. Xếp loại mức độ hình thành và phát triển phẩm chất:

+ Phẩm chất khối 1,2,3,4

Khối	Số HS	Số HS được đánh giá	Yêu nước						Nhân ái						Chăm chỉ					
			Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	100	96	96	100	0	0	0	0	80	83,3	16	16,7	0	0	78	81,3	18	18,7	0	0
2	98	97	97	100	0	0	0	0	85	87,6	12	12,4	0	0	78	80,4	19	19,6	0	0
3	112	112	112	100	0	0	0	0	98	87,5	14	12,5	0	0	96	85,7	16	14,3	0	0
4	120	120	120	100	0	0	0	0	91	75,8	29	24,8	0	0	84	70	36	30	0	0
Tổng	430	425	425	100	0	0	0	0	354	83,3	71	16,7	0	0	336	79,1	89	20,9	0	0

Khối	Số HS	Số HS được đánh giá	Trung thực						Trách nhiệm					
			Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	100	96	82	85,4	14	14,6	0	0	80	83,3	16	16,7	0	0
2	98	97	80	82,4	17	17,6	0	0	82	84,5	15	15,5	0	0
3	112	112	94	83,9	18	16,1	0	0	96	85,7	16	14,3	0	0
4	120	120	86	71,7	34	28,3	0	0	88	73,3	32	26,7	0	0
Tổng	430	425	342	80,5	83	19,5	0	0	346	81,4	79	18,6	0	0

KHỐI 5: Tổng số HS: 98 HS

Khối 5	Số HS được đánh giá	Phẩm chất																							
		Chăm học, chăm làm						Tự tin, trách nhiệm						Trung thực, kỷ luật						Đoàn kết, yêu thương					
		Tốt		Đạt		C		Tốt		Đạt		C		Tốt		Đạt		C		Tốt		Đạt		C	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	98	57	58,2	41	41,8	0		51	52	47	48	0	0	59	60,2	39	38,8	0	0	69	70,4	29	29,6	0	0

2.1.2. Xếp loại mức độ hình thành và phát triển năng lực:*** NĂNG LỰC CHUNG**

Khối	Số HS	Số học sinh đánh giá	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						Giải quyết vấn đề và sáng tạo					
			Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	100	96	79	82,2	17	17,8	0	0	78	81,3	18	18,7	0	0	77	80,2	19	19,8	0	0
2	98	97	75	77,3	22	22,7	0	0	78	80,4	19	19,6	0	0	73	75,2	24	24,8	0	0
3	112	112	91	81,3	21	18,7	0	0	95	84,8	17	15,2	0	0	90	80,4	22	19,6	0	0
4	120	120	82	68,3	38	31,7	0	0	88	73,3	32	26,7	0	0	80	66,7	40	33,3	0	0
Tổng	430	425	327	76,9	98	23,1	0	0	339	79,8	86	20,2	0	0	320	75,3	105	24,7	0	0

*** NĂNG LỰC ĐẶC THÙ**

Khối	Số HS ĐG	Ngôn ngữ						Tinh toán						Khoa học						Thảm mĩ					
		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
1	96	80	83,3	16	16,7	0	0	79	82,2	17	17,8	0	0	78	81,3	18	18,7	0	0	80	83,3	16	16,7	0	0
2	97	78	80,4	19	19,6	0	0	78	80,4	19	19,6	0	0	72	74,2	25	25,8	0	0	73	75,2	24	24,8	0	0
3	112	92	82,1	20	17,9	0	0	95	84,8	17	15,2	0	0	89	79,5	23	20,5	0	0	90	80,4	22	19,6	0	0
4	120	86	71,7	34	28,3	0	0	83	69,2	37	30,8	0	0	81	67,5	39	32,5	0	0	82	68,3	38	31,7	0	0
Tổng	425	336	79,1	89	20,9	0	0	335	78,8	90	21,2	0	0	320	75,3	105	24,7	0	0	325	76,5	100	23,5	0	0

Khối	TSHS	Số HS được ĐG	Thể chất						Công nghệ						Tin học									
			Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG					
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
1	100	96	82	85,4	14	14,6	0	0																
2	98	97	75	77,3	22	22,7	0	0																
3	112	112	93	83,0	19	17,0	0	0	94	83,9	18	16,1	0	0	97	86,6	15	13,4	0	0				
4	120	120	88	73,3	32	26,7	0	0	82	68,3	38	31,7	0	0	83	69,2	37	30,8	0	0				
Tổng	430	425	338	79,5	87	20,5	0	0	176	75,9	56	24,1	0	0	180	77,6	52	22,4	0	0				

KHỐI 5 : Tổng số HS: 98 HS

Khối	Tổng số HS gồm cả KT	Số HS được đánh giá	Năng lực																	
			Tự phục vụ, tự quản						Hợp tác						Tự học và giải quyết vấn đề					
			Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
			SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
5	98	98	54	55,1	44	44,9	0	0	58	59,2	40	40,8	0	0	54	55,1	44	44,9	0	0

2.2. Môn học và Hoạt động giáo dục: Đánh giá kết quả học tập cuối năm:

* Các môn đánh giá bằng điểm số:

Khối	TS HS	Số HS đánh giá	Tiếng Việt						Toán						Tiếng Anh					
			HT tốt		HT		Chưa HT		HT tốt		HT		Chưa HT		HT tốt		HT		Chưa HT	
			SL	%	SL	%		%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	100	96	75	78,1	21	21,9	0	0	76	79,1	20	20,9	0	0						
2	98	97	72	74,2	25	25,8	0	0	75	77,3	22	22,7	0	0						
3	112	112	85	75,9	27	24,1	0	0	87	77,8	25	22,2	0	0	81	72,3	31	17,7	0	0
4	120	120	88	73,3	32	26,7	0	0	90	75	30	25	0	0	87	72,5	33	28	0	0
5	98	98	27	27,6	71	72,4	0	0	37	37,8	61	62,2	0	0	32	32,7	66	67,3	0	0
Tổng	528	523	347	66,3	176	33,7	0	0	365	69,8	158	30,2	0	0	200	60,6	130	39,4	0	0

Khối	TSH S	Số HS đánh giá	Tin học						Công nghệ						Khoa học						Lịch sử-Địa lý					
			HT tốt		HT		Chưa HT		HT tốt		HT		Chưa HT		HT tốt		HT		Chưa HT		HT tốt		HT		Chưa HT	
			SL	%	SL	%		%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
3	112	112	91	81,3	21	18,7	0	0	93	83,0	19	17,0														
4	120	120	82	67,8	38	32,2	0	0	84	69,4	36	30,6	0	0	86	71,1	34	28,9	0	0	83	68,6	37	31,4	0	0
5	98	98													48	49	50	51	0	0	41	41,8	57	58,2	0	0
Tổng	330	330	173	74,6	59	25,4	0	0	177	76,3	55	23,7	0	0	134	61,5	84	38,5	0	0	124	56,9	94	43,1	0	0

*** Xếp loại học tập các môn học và hoạt động giáo dục:**

Khối lớp Sĩ số	HS đánh giá	Xếp loại	Đạo đức		Tự nhiên-Xã hội		GDTC (Thể dục)		Âm nhạc		Mĩ thuật thuật		Kĩ thuật		Hoạt động trải nghiệm	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1- 100	96	Hoàn thành tốt	76	79,1	75	78,1	75	78,1	75	78,1	74	77,1			76	79,1
		Hoàn thành	20	20,9	21	21,9	21	21,9	21	21,9	22	22,9			20	20,9
		Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0
2 - 98	97	Hoàn thành tốt	75	77,3	73	75,2	72	74,2	70	72,2	70	72,2			72	74,2
		Hoàn thành	22	22,7	24	24,8	25	25,8	27	27,8	27	27,8			25	25,8
		Chưa hoàn thành														
3-112	112	Hoàn thành tốt	90	80,4	88	78,7	95	84,8	85	75,9	82	73,2			95	84,8
		Hoàn thành	22	19,6	24	21,3	17	15,2	27	24,1	30	26,8			17	15,2
		Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0
4 - 120	120	Hoàn thành tốt	86	71,7			88	73,3	84	70	82	68,3			83	69,2
		Hoàn thành	34	28,3			32	26,7	36	30	38	31,7			37	30,8
		Chưa hoàn thành	0	0			0	0	0	0	0	0			0	0
5 - 98	98	Hoàn thành tốt	45	45,9			55	56,1	58	59,2	40	40,8	51	52		
		Hoàn thành	53	54,1			43	43,9	40	40,8	58	59,2	47	48		
		Chưa hoàn thành	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0		
TT	523	Hoàn thành tốt	372	71,1	236	77,4	387	74	372	71,1	348	66,5	51	52	326	76,7
		Hoàn thành	151	28,9	69	22,6	136	26	151	28,9	175	33,5	47	48	99	23,3
		Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			

2.3. Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học:

a) HTCT lớp học: Tổng số: 528 học sinh

	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Toàn trường	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
HTCT lớp học	97	97	98	100	112	100	120	100	98	100	525	99,4
Chưa HTCT lớp học	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0,6

b) Hoàn thành chương trình tiểu học: $98/98 = 100\%$

2.4. Khen thưởng:

Khối	TS HS (gồm cả KT)		Khen thưởng cuối năm					
	SL	Nữ	Khen HS Xuất sắc		Khen HS tiêu biểu		Học sinh vượt trội	
			SL	%	SL	%	SL	%
1	100	55	34	34	43	43		
2	98	52	29	29,6	37	37,8		
3	112	47	31	27,7	42	37,5		
4	120	61	34	28,1	47	38,8		
5	98	47	21	21,4	0	0	40	40,8
Tổng	528	262	149	28,2	169	39,3		

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
1. Môn học bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	280	144	136
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68			
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	TN&XH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
6	Lịch sử và Địa lí										70	36	34	70	36	34
7	Khoa học										70	36	34	70	36	34
8	Tin học & Công nghệ							70	36	34	70	36	34			
9	GD thể chất (Thể dục)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Kĩ thuật													35	18	17
2. Hoạt động giáo dục bắt buộc (HDTN Lớp 1,2,3,4 Tích hợp thêm GDĐP. Lớp 5: Chào cờ, sinh hoạt lớp, GDNGLL)																
	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
3. Môn học tự chọn																
13	Tiếng Anh (K dạy tháng 9)	62	28	34	62	28	34							132	64	68
4. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																
14	CC TV (Tiết đọc TV)	31	16	15	32	16	16	31	16	15	30	16	14	30	16	14
15																
Tổng, Số tiết/tuần (Cả năm học)		28T/tuần x 35tuần = 968 tiết/năm			28T/tuần x 35tuần = 969 tiết/năm			29T/tuần x 35tuần = 1011 tiết/năm			31T/tuần x 35tuần = 1080 tiết/năm			31T/tuần x 35tuần = 1072tiết/năm		
Số buổi dạy/tuần		7 buổi/tuần			7 buổi/tuần			8 buổi/tuần			8 buổi/tuần			8 buổi/tuần		

LY: Tổng số tiết/năm học (không kể các môn tự chọn. Lớp 1,2: 875 tiết; lớp 3: 980 tiết; lớp 4,5: 1050 tiết

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (*tham khảo Phụ lục 1.2*)

Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Chào năm học mới	Hoạt động trải nghiệm: "Đêm hội trăng rằm".	Sinh hoạt tại lớp	Chiều 14/8 âm lịch	BGH, TPT, GVCN	Các đoàn thể trong trường, PHHS
Tháng 10	Sống an toàn	Hoạt động trải nghiệm: Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	HS làm thiệp tại lớp tặng cô, bà, mẹ	Tuần 7 Ngày 20/10	TPT, GVMT	GVCN
Tháng 11	Biết ơn thầy, cô giáo	Hoạt động trải nghiệm: Chào mừng 20/11	Giao lưu văn nghệ, trò chơi	Sáng hoặc chiều 20/11	BGH, TPT	GV, NV toàn trường
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Hoạt động trải nghiệm: Biết ơn anh bộ đội cụ Hồ	Viếng nghĩa trang liệt sỹ + Tìm hiểu về ngày thành lập QĐNDVN	Sáng 22/12	BGH, TPT	Đoàn TN, GVCN, GV toàn trường
Tháng 1	Chào Xuân yêu thương	Hoạt động trải nghiệm: Tết an toàn	Trang trí lớp học, viết cam kết	Tuần 19	TPT, GVCN	GV, NV toàn trường
Tháng 2	Mừng Đảng mừng xuân	Hoạt động trải nghiệm: Ngày hội bảo vệ môi trường	Tổ chức Tết trồng cây + Lao động và Thu gom phế liệu	Tuần 22	TPT, GVCN	GV, NV toàn trường
Tháng 3	Biết ơn bà, mẹ và cô giáo	Hoạt động trải nghiệm: Vẽ tranh về mẹ và cô	HS thi vẽ tranh về mẹ và cô	Sáng hoặc chiều 8/3	GVCN, TPT, GVMT	GV, NV toàn trường

Tháng 4	Bảo vệ môi trường	Hoạt động trải nghiệm: Ngày hội ẩm thực	Trải nghiệm làm bánh trôi, bánh chay	Sáng hoặc chiều 3/3 âm lịch	GVCN	GV, NV toàn trường
Tháng 5	Nhớ ơn Bác Hồ	Hoạt động trải nghiệm: Thi kể chuyện về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	Thi kể chuyện	Chiều 19/5	BGH, TPT	GVCN, GV, NV toàn trường

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (*trong trường hợp có học sinh bán trú*) (tham khảo Phụ lục 1.3)

Phụ lục 1.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (*trong trường hợp có học sinh bán trú*)

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Rèn kĩ năng sống	Kĩ năng sống	HS /theo lớp	Sau buổi học	Tại lớp	
2	Đọc sách	Văn hóa đọc	Nhóm học sinh	Sau buổi học	Thư viện trường	
3	Vui chơi tự do trong khuôn viên nhà trường (Rèn luyện thể lực)	Tập võ, đá bóng, cầu lông, bóng rổ, nhảy dây	HS/ theo nhóm, theo đội, theo lớp.	Sau buổi học	Tại trường	

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.

- Thực hiện QĐ số 1660/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024

Cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

+ Ngày tựu trường: lớp 1 tựu trường ngày 22/8/2023. Lớp 2,3,4,5 tựu trường ngày 29/8/2023.

+ Khai giảng năm học: ngày 05/9/2023.

+ Học kỳ I: Từ ngày 06/9/2023, kết thúc trước ngày 15/01/2024 (gồm 18 tuần thực học).

- + Hoàn thành kế hoạch GD học kỳ II trước ngày 25/5/2024 (gồm 17 tuần thực học).
- + Kết thúc năm học: Trước ngày 31/5/2024.
- + Xét công nhận HTCTTH trước ngày 30/6/2024.
- + Tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2024-2025 hoàn thành trước ngày 31/7/2024.
- + Các ngày nghỉ lễ, tết, thực hiện theo quy định của bộ Luật Lao động và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.
- + Thời gian nghỉ phép năm của GV được thực hiện trong thời gian nghỉ hè hoặc có thể bố trí xen kẽ vào thời gian khác ngày 29/8/2023 trong năm phù hợp với kế hoạch thời gian năm học và tình hình cụ thể của địa phương, đơn vị.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

Tại trường Tiểu học Thọ Vinh thời gian thực hiện chương trình năm học 2023 - 2024 cụ thể như sau:

4.1. Đối với khối lớp 1,2,3,4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*Phụ lục 1.4*)

Phụ lục 1.4. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1,2,3,4 (*Phụ lục 2*)

4.2. Đối với khối lớp 5 (*Phụ lục 1,4, Phụ lục 2*)

V. Giải pháp thực hiện

1. Thực hiện rà soát, quy hoạch trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đối với cấp tiểu học

Căn cứ kế hoạch số 1065/KH-SGDĐT ngày 26/6/2018 của Sở GDĐT và quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025. Nhà trường rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; đảm bảo sĩ học sinh bình quân 35 em/ lớp.

Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để thực hiện chương trình, sách giáo khoa GDPT 2018, rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu đối với lớp 1,2,3,4 thực hiện Chương trình GDPT 2018. Rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục, ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để đưa vào kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

2. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học đảm bảo đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp

Thực hiện quản lý, đánh giá đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng bảo đảm thực chất, gắn với thi đua, khen thưởng để tạo động lực cho đội ngũ nhà giáo gắn bó với nghề; tiếp tục rà soát chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo Luật Giáo dục năm 2019.

Rà soát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch theo lộ trình để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học đạt chuẩn trình độ theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ GDĐT về việc Quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Tổ chức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia bồi dưỡng thường xuyên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp và thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Tổ chức thi giáo viên dạy giỏi theo Thông tư 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ GDĐT.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn:

Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018

Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

Phân công giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 hướng dẫn các giáo viên có năng lực yếu hơn để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018 nhằm tạo môi trường để giáo viên, CBQL luôn học hỏi lẫn nhau, trau dồi chuyên môn và nâng cao ý thức.

Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường, lấy kinh nghiệm để triển khai các lớp tiếp theo thông qua các hoạt động như: tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục về đổi mới dạy học theo tiếp cận năng lực, về phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá năng lực người học...

Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ GV thông qua hình thức dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đột xuất... từ đó xác định được nhân sự nào cần được đào tạo, bồi dưỡng và bồi dưỡng ở lĩnh vực nào để phát huy tối đa tiềm năng của cá nhân và đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển của nhà trường.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Hiệu trưởng:

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục và điều hành chung mọi công việc.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn, ký hợp đồng liên kết với các công ty trong việc giảng dạy Tiếng Anh, kỹ năng sống.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.
- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học.
- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;
- Ra Quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.
- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học-các hoạt động giáo dục.

2. Phó Hiệu trưởng:

- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.
- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.
- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.
- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.
- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ.
- Duyệt hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các đợt Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

3. Tổ trưởng chuyên môn:

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo hướng nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1, 2, 3,4.

- Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.
- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.
- Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

4. Tổng phụ trách Đội:

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Tổ chức tất cả các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức tại nhà trường.
- Thành lập các ban của liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Giáo viên chủ nhiệm:

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

6. Giáo viên phụ trách môn học:

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, Liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

7. Nhân viên:

- Quản lý hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện và thiết bị dạy học.
- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.
- Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách. Kết hợp với nhà trường, giáo viên tổ chức Ngày hội đọc sách.
- Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2023 – 2024 của trường Tiểu học Thọ Vinh. Đề nghị các cá nhân và các bộ phận nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo về Ban giám hiệu nhà trường để có sự hướng dẫn, điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để BC);
- Hội đồng trường (để phê chuẩn)
- Tổ trưởng chuyên môn; GV (t/h)
- Lưu: hồ sơ, VT./.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH – HIỆU TRƯỞNG**



Vũ Thị Quỳnh Hoa

